



Nghệ An, ngày 19 tháng 7 năm 2025

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 2025 - ĐỢT CHÍNH THỨC**

Ngành/Nghề: **Nghệ thuật biểu diễn dân ca (hệ 3 năm)**

Trình độ: **Trung cấp**

Đợt TS: **2025 - đợt 1 (hệ 3 năm)**

Hình thức: **Chính quy**

| TT | SBD           | Họ và tên              | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh | Chuyên ngành | KV         | ĐT | Điểm Thấm âm - Tiết tấu | Điểm Chuyên ngành | Điểm ưu tiên ĐT | Điểm ưu tiên KV | Tổng điểm | Trúng tuyển | Ghi chú |
|----|---------------|------------------------|-----------|------------|----------|--------------|------------|----|-------------------------|-------------------|-----------------|-----------------|-----------|-------------|---------|
| 1  | TC2025/CT_395 | Phan Hà Bảo An         | Nữ        | 26/6/2012  | Nghệ An  |              | KV2        |    | 6.00                    | 6.00              | 0               | 0.25            | 18.25     |             |         |
| 2  | TC2025/CT_396 | Hà Hải Anh             | Nữ        | 04/9/2009  | Nghệ An  |              | KV1        |    | 7.00                    | 8.00              | 0               | 0.75            | 23.75     |             |         |
| 3  | TC2025/CT_397 | Nguyễn Phương Anh      | Nữ        | 21/10/2009 | Nghệ An  |              | KV2        |    | 8.00                    | 8.00              | 0               | 0.25            | 24.25     |             |         |
| 4  | TC2025/CT_398 | Nguyễn Thị Nhật Anh    | Nữ        | 01/7/2012  | Nghệ An  |              | KV2        |    | 6.00                    | 6.00              | 0               | 0.25            | 18.25     |             |         |
| 5  | TC2025/CT_399 | Thái Thị Lan Anh       | Nữ        | 08/12/2012 | Nghệ An  |              | KV2        |    | 7.00                    | 8.00              | 0               | 0.25            | 23.25     |             |         |
| 6  | TC2025/CT_400 | Lô Gia Bảo             | Nam       | 23/4/2013  | Nghệ An  |              | KV2        |    | 7.00                    | 7.00              | 0               | 0.25            | 21.25     |             |         |
| 7  | TC2025/CT_401 | Phan Phương Chi        | Nữ        | 23/10/2013 | Nghệ An  |              | KV2        |    | 7.00                    | 7.00              | 0               | 0.25            | 21.25     |             |         |
| 8  | TC2025/CT_402 | Tô Vũ Hiếu Chi         | Nữ        | 03/02/2013 | Nghệ An  |              | KV2        |    | 7.00                    | 7.00              | 0               | 0.25            | 21.25     |             |         |
| 9  | TC2025/CT_404 | Đặng Trương Diễm Hằng  | Nữ        | 18/3/2009  | Nghệ An  |              | KV1        |    | 6.00                    | 6.00              | 0               | 0.75            | 18.75     |             |         |
| 10 | TC2025/CT_403 | Hồ Thị Ngọc Hà         | Nữ        | 12/9/2012  | Nghệ An  |              | KV2        |    | 7.00                    | 8.00              | 0               | 0.25            | 23.25     |             |         |
| 11 | TC2025/CT_405 | Nguyễn Cảnh Hồng       | Nam       | 16/6/2011  | Nghệ An  |              | KV2        |    | 6.00                    | 6.00              | 0               | 0.25            | 18.25     |             |         |
| 12 | TC2025/CT_490 | Nguyễn Thị Khánh Huyền | Nữ        | 21/02/2011 | Nghệ An  |              | KV2        |    | 7.00                    | 6.00              | 0               | 0.25            | 19.25     |             |         |
| 13 | TC2025/CT_406 | Nguyễn Thị Thanh Huyền | Nữ        | 13/8/2008  | Nghệ An  |              | KV2-N<br>T |    | 7.00                    | 8.00              | 0               | 0.50            | 23.50     |             |         |
| 14 | TC2025/CT_407 | Trương Vân Khánh       | Nữ        | 26/10/2013 | Nghệ An  |              | KV2        |    | 7.00                    | 7.00              | 0               | 0.25            | 21.25     |             |         |
| 15 | TC2025/CT_497 | Lê Ngọc Tường Lam      | Nữ        | 28/9/2013  | Nghệ An  |              | KV2        |    | 6.00                    | 6.00              | 0               | 0.25            | 18.25     |             |         |



| TT | SBD           | Họ và tên              | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Chuyên ngành | KV         | ĐT | Điểm Thảm âm - Tiết tấu | Điểm Chuyên ngành | Điểm ưu tiên ĐT | Điểm ưu tiên KV | Tổng điểm | Trúng tuyển | Ghi chú |
|----|---------------|------------------------|-----------|------------|------------|--------------|------------|----|-------------------------|-------------------|-----------------|-----------------|-----------|-------------|---------|
| 16 | TC2025/CT_408 | Nguyễn Thị Khánh Linh  | Nữ        | 09/01/2006 | Nghệ An    |              | KV2        |    | 6.00                    | 6.00              | 0               | 0.25            | 18.25     |             |         |
| 17 | TC2025/CT_409 | Trần Văn Lớn           | Nam       | 01/12/2010 | Nghệ An    |              | KV2        |    | 6.00                    | 7.00              | 0               | 0.25            | 20.25     |             |         |
| 18 | TC2025/CT_410 | Trần Thị Khánh Ly      | Nữ        | 09/5/2009  | Nghệ An    |              | KV2        |    | 7.00                    | 7.00              | 0               | 0.25            | 21.25     |             |         |
| 19 | TC2025/CT_411 | Phạm Kim Ngân          | Nữ        | 21/9/2013  | Hà Nội     |              | KV2-N<br>T |    | 6.00                    | 6.00              | 0               | 0.50            | 18.50     |             |         |
| 20 | TC2025/CT_412 | Bùi Trung Nguyên       | Nam       | 10/5/2012  | Bình Dương |              | KV2        |    | 4.00                    | 4.00              | 0               | 0.25            | 12.25     |             |         |
| 21 | TC2025/CT_413 | Đỗ Phạm Tuệ Như        | Nữ        | 06/7/2012  | Nghệ An    |              | KV2        |    | 6.00                    | 7.00              | 0               | 0.25            | 20.25     |             |         |
| 22 | TC2025/CT_414 | Trương Thị Quỳnh Như   | Nữ        | 24/5/2013  | Nghệ An    |              | KV2        |    | 7.00                    | 8.00              | 0               | 0.25            | 23.25     |             |         |
| 23 | TC2025/CT_415 | Hồ Trọng Tấn Sang      | Nam       | 05/5/2012  | Nghệ An    |              | KV2        |    | 7.00                    | 7.00              | 0               | 0.25            | 21.25     |             |         |
| 24 | TC2025/CT_416 | Nguyễn Thị Ánh Sáng    | Nữ        | 05/11/2013 | Nghệ An    |              | KV2-N<br>T |    | 7.00                    | 7.00              | 0               | 0.50            | 21.50     |             |         |
| 25 | TC2025/CT_417 | Nguyễn Thị Sương       | Nữ        | 05/3/2008  | Nghệ An    |              | KV1        |    | 6.00                    | 7.00              | 0               | 0.75            | 20.75     |             |         |
| 26 | TC2025/CT_418 | Nguyễn Thị Hà Sương    | Nữ        | 22/11/2013 | Nghệ An    |              | KV2        |    | 7.00                    | 6.00              | 0               | 0.25            | 19.25     |             |         |
| 27 | TC2025/CT_419 | Nguyễn Anh Tuấn Thành  | Nam       | 14/7/2013  | Nghệ An    |              | KV2        |    | 7.00                    | 8.00              | 0               | 0.25            | 23.25     |             |         |
| 28 | TC2025/CT_420 | Nguyễn Phương Thảo     | Nữ        | 01/7/2013  | Nghệ An    |              | KV2        |    | 7.00                    | 8.00              | 0               | 0.25            | 23.25     |             |         |
| 29 | TC2025/CT_422 | Hồ Thị Anh Thư         | Nữ        | 04/10/2013 | Nghệ An    |              | KV2        |    | 6.00                    | 6.00              | 0               | 0.25            | 18.25     |             |         |
| 30 | TC2025/CT_421 | Nguyễn Thị Phương Thúy | Nữ        | 21/6/2010  | Nghệ An    |              | KV2        |    | 5.00                    | 6.00              | 0               | 0.25            | 17.25     |             |         |
| 31 | TC2025/CT_423 | Lữ Tú Uyên             | Nữ        | 09/10/2013 | Nghệ An    |              | KV2        |    | 8.00                    | 8.00              | 0               | 0.25            | 24.25     |             |         |

**Ghi chú: Điểm đã nhân hệ số môn Chuyên ngành, Hình họa.**

**HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH NĂM 2025**